

Số: **06/2022/QĐST-HNGĐ**

Quảng Nam, ngày 29 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Liên

Thư ký phiên họp: Bà Trần Thị Bích Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên họp: Bà Lê Thị Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam mở phiên họp sơ thẩm công khai để giải quyết việc dân sự thụ lý số: 06/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*” theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự sơ thẩm số: 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông **Tran, H (Trần H), , sinh năm 1993;**

Quốc tịch: Việt Nam;

Hộ chiếu số: C3290XXX, do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 25/5/2017;

CMND số: 191822XXX, do Công an tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 18/4/2017;

Thẻ thường trú tại Hoa kỳ số: 59698XXX do United States of America cấp ngày 18/6/2018;

Địa chỉ thường trú: XXX Schafer RD.APT.XX. Hayward, CA 945XX, USA (Hoa Kỳ);

Địa chỉ liên lạc (nhận giấy tờ): Số XX Lê Lợi, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

2. Bà **Lưu Hoàng Phương U, sinh năm 1997;**

Quốc tịch: Việt Nam;

CMND số: 206055XXX, do Công an tỉnh Quảng Nam cấp;

Thẻ căn cước công dân số: 049197000XXX, do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 31/3/2021.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số XX Lê Lợi, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

(Ông *Tran, H (Trần H)*, và bà *Lưu Hoàng Phương U* đều vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu và các văn bản có trong hồ sơ vụ án, người yêu cầu ông Tran, H (Trần H), và bà Lưu Hoàng Phương U trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* ông Tran, H (Trần H), và bà Lưu Hoàng Phương U quen nhau, yêu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 22/4/2019 tại Ủy ban nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam và được Ủy ban nhân dân thành phố Hội An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 13 ngày 22/4/2019.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung một thời gian ngắn tại Việt Nam thì ông Tran, H (Trần H), qua Hoa Kỳ để tiếp tục học tập và làm việc, còn bà Lưu Hoàng Phương U vẫn sinh sống tại Việt Nam. Thời gian đầu, vợ chồng có điện thoại hỏi thăm nhau nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể giải quyết được. Do không sống chung nên tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông Tran, H (Trần H), và bà Lưu Hoàng Phương U làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp sơ thẩm:

- Ông Tran, H (Trần H), và bà Lưu Hoàng Phương U, đều vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên họp, Thẩm phán, Thư ký và người yêu cầu giải quyết việc dân sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Tran, H (Trần H), và bà Lưu Hoàng Phương U.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam nhận định:

[1] **Về tố tụng:**

[1.1] Ông Tran, H (Trần H), và bà Lưu Hoàng Phương U cùng làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Khi thụ lý việc dân sự, ông Tran, H (Trần H), đang học tập, làm việc tại Hoa Kỳ. Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Tại phiên họp, ông Tran, H (Trần H), và bà Lưu Hoàng Phương U đều vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết. Căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc hôn nhân và gia đình vắng mặt ông Tran, H (Trần H), và bà Lưu Hoàng Phương U theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* ông Tran, H (Trần H), và bà Lưu Hoàng Phương U đã đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 22/4/2019, nên hôn nhân của ông, bà là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng. Nay ông Tran, H (Trần H), và bà Lưu Hoàng Phương U thỏa thuận, thống nhất và cùng làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, ông Tran, H (Trần H), và bà Lưu Hoàng Phương U không sống chung với nhau, ông Tran, H (Trần H), sống tại Mỹ còn bà Lưu Hoàng Phương U sống tại Việt Nam, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc thỏa thuận thuận tình ly hôn của ông Tran, H (Trần H), và bà Lưu Hoàng Phương U là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được chấp nhận.

[2.2] *Về con chung:* ông Tran, H (Trần H), và bà Lưu Hoàng Phương U xác nhận không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung:* ông Tran, H (Trần H), và bà Lưu Hoàng Phương U không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] *Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:* căn cứ khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông Tran, H (Trần H), và bà Lưu Hoàng Phương U phải chịu lệ phí sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 149, khoản 2 Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu của ông Tran, H (Trần H), và bà Lưu Hoàng Phương U về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Tran, H (Trần H), và bà Lưu Hoàng Phương U.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: ông Tran, H (Trần H), và bà Lưu Hoàng Phương U mỗi người phải nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm ông Tran, H (Trần H), và bà Lưu Hoàng Phương U đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000122 ngày 30/3/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam. Ông Tran, H (Trần H), và bà Lưu Hoàng Phương U đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- CTHADS tỉnh Quảng Nam;
- UBND thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam;
- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Liên